



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng 07 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ -
VINACOMIN, TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Tiếng Anh/ in English: MICCO – INDUSTRIAL EXPLOSIVES CENTRE

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 062 – PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Tiểu khu Cầu Sến, phường Yên Từ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Cau Sen Sub Area, Yen Tu Ward, Quang Ninh Province, Vietnam

Tel: +84 084 6557 919

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from /07/2025 đến/ to 20/05/2029



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 1b theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 7 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau/ *Product certification in accordance with scheme type 1b of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to scheme type 7 of Circular 28/2007/TT-BKHCN dated 12 December 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:*

Vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ/ Industrial explosive materials and precursors of explosive

TT No.	Tên sản phẩm <i>Product name</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>
1.	Thuốc nổ ANFO/ANFO Explosives ^(a)	QCVN 12-27:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/01
2.	Thuốc nổ ANFO chịu nước/ Water resistant ANFO Explosives	QCVN 12-9:2022/ BCT	TTVLN/QTCN/01
3.	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên/ Emulsion explosives use in open-cast	QCVN 04:2020/ BCT	TTVLN/QTCN/04
4.	Thuốc nổ nhũ tương tạo biên dùng cho lộ thiên và mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ/ Emulsion explosives for contour blasting in opencast and underground mines, underground construction without combustible gases ^(a)	QCVN 12-16:2023/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/04
5.	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên/ High energy Emulsion explosives for use in opencast	QCVN 03:2020/ BCT	TTVLN/QTCN/04
6.	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ/ Safe emulsion explosives use in underground mines contained explosive gas	QCVN 06:2020/ BCT	TTVLN/QTCN/03
7.	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng/ Safe emulsion explosives for use in underground mines contained super methane escape	QCVN 05:2020/ BCT	TTVLN/QTCN/03
8.	Thuốc nổ nhũ tương rời/ Bulk Emulsion explosives	QCVN 12-10:2022/ BCT	TTVLN/QTCN/13
9.	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói/ Bulk Emulsion explosives in packages	QCVN 12-2:2021/ BCT	TTVLN/QTCN/13
10.	Thuốc nổ TNP1/ TNP1 Explosives	QCVN 12-1:2021/ BCT	TTVLN/QTCN/13
11.	Thuốc nổ bột không có TNT dùng cho lộ thiên/ Powder explosive without TNT use in open-cast	QCVN 12-4:2021/ BCT	TTVLN/QTCN/13



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

TT No.	Tên sản phẩm <i>Product name</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>
12.	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ/ <i>Emulsion explosives for blasting in underground mines without detonation gas</i> ^(a)	QCVN 12-26:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/02
13.	Thuốc nổ amonit AD1/ <i>Amonite Explosive AD1</i> ^(a)	QCVN 12-23:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/10
14.	Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT)/ <i>Trinitrotoluen Explosive (TNT)</i>	QCVN 12-12:2022/ BCT	TTVLN/QTCN/14
15.	Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp/ <i>Primers for industrial explosives</i> ^(a)	QCVN 12-24:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/11
16.	Kíp nổ điện số 8/ <i>Electric detonator N^o8</i> ^(a)	QCVN 12-25:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/05
17.	Kíp nổ điện vi sai/ <i>Delay electric detonator</i> ^(a)	QCVN 12-28:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/05
18.	Kíp nổ điện vi sai an toàn/ <i>Safety delay electric detonator</i> ^(a)	QCVN 12-14:2023/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/05
19.	Kíp nổ đốt số 8/ <i>Plain detonator N^o8</i> ^(a)	QCVN 12-29:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/06
20.	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ/ <i>Non-electric in-hole delay detonator</i> ^(a)	QCVN 12-20:2023/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/07
21.	Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ/ <i>Non-electric surface delay detonator for opencast; underground construction without combustible gases</i> ^(a)	QCVN 12-21:2023/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/07
22.	Kíp nổ vi sai phi điện dùng cho mỏ hầm lò/ đường hầm không có khí bụi nổ/ <i>Non-electric delay detonator for underground construction without combustible gase</i> ^(a)	QCVN 12-22:2023/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/07
23.	Kíp vi sai phi điện MS/ <i>Non-electric period delay detonators MS</i>	QCVN 12-5:2022/ BCT	TTVLN/QTCN/07
24.	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP/ <i>Non-electric period delay detonators LP</i>	QCVN 12-6:2022/ BCT	TTVLN/QTCN/07
25.	Dây dẫn tín hiệu nổ/ <i>Shock tube</i> ^(a)	QCVN 12-15:2023/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/07A
26.	Dây nổ chịu nước/ <i>Water resistance Detonating cords</i> ^(a)	QCVN 12-31:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/08



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

TT No.	Tên sản phẩm Product name	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure
27.	Dây nổ thường/ <i>Detonating cords</i>	QCVN 12-7:2022/ BCT	TTVLN/QTCN/08
28.	Dây cháy chậm công nghiệp/ <i>Industrial Safety fuse</i> ^(a)	QCVN 12-30:2024/ BCT ^(a)	TTVLN/QTCN/09
29.	Amôni Nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO (PPAN)/ <i>Ammonium Nitrate for producing ANFO explosive</i>	QCVN 03:2012/ BCT	TTVLN/QTCN/12
30.	Amôni Nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương (CPAN)/ <i>Ammonium Nitrate for producing emulsion explosive</i>	QCVN 05:2015/ BCT	TTVLN/QTCN/12

Ghi chú/ Note:

- (a): Cập nhật phiên bản tiêu chuẩn (tháng 07/2025) / *Updated standard version (July 2025)*;
- Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - Vinacomin, Trung tâm Vật liệu nổ Công nghiệp phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *Micco - Industrial Explosives Centre must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*